

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **34/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 27 tháng 4 năm 2023

*V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình giữa
chị Hà Thị T và anh Lê Xuân P*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bàn Văn Thế.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Vượng

Ông Nguyễn Danh Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Hồng Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 27/4/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 604/2022/TLST-HNGĐ, ngày 29/12/2022 về việc tranh chấp hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10/4/2023, giữa các đương sự:

*- **Nguyên đơn:** Chị Hà Thị T, sinh năm 1990. Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Thôn N1, xã N1, huyện S, tỉnh T. Vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).*

*- **Bị đơn:** Anh Lê Xuân P, sinh năm 1987. Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Thôn N1, xã N1, huyện S, tỉnh T. Vắng mặt (có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Hà Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị (Hà Thị T) kết hôn với anh Lê Xuân P trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 12/01/2016 tại Ủy ban nhân dân phường Vân Cờ, thành phố Việt Trì, tỉnh P Thọ. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, được tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương. Sau khi kết hôn anh chị cùng về sinh sống tại thôn N1, xã N1, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, kinh tế gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, kéo dài nhiều năm không thể hòa giải được. Anh chị sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay, vợ chồng không còn quan hệ tình cảm, kinh tế với nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng không

còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Lê Xuân P.

- Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Lê Thùy L, sinh ngày 30/7/2011 và cháu Lê Bảo K, sinh ngày 13/11/2015. Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/12/2022 thể hiện hai vợ chồng chị đã thỏa thuận, thống nhất với nhau là cháu Lê Thùy L sẽ ở với chị và cháu Lê Bảo K ở với anh P. Nhưng tại đơn khởi kiện ngày 29/12/2022 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án chị lại có quan điểm khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục cả hai cháu và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản và vay nợ chung: Chị xác định anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi, triệu tập anh Lê Xuân P nhiều lần để tham gia các phiên họp, phiên hòa giải giải quyết vụ án nhưng anh P đều không có mặt.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/3/2023 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Lê Xuân P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định, được tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương. Tuy nhiên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh chị sống ly thân từ năm 2019. Nay vợ anh làm đơn xin ly hôn thì anh hoàn toàn nhất trí.

- Về con chung: Anh chị có 02 (hai) con chung là cháu là Lê Thùy L, sinh ngày 30/7/2011 và cháu Lê Bảo K, sinh ngày 13/11/2015. Khi ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục cháu Lê Bảo K; chị T được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục cháu Lê Thùy L. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định, đề nghị giải quyết theo thủ tục chung theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử cho chị Hà Thị T và anh Lê Xuân P ly hôn; giao cháu Lê Thùy L, sinh ngày 30/7/2011 cho chị Hà Thị T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục; giao cháu Lê Bảo K, sinh ngày 13/11/2015 cho anh Lê Xuân P trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Chị Hà Thị T phải chịu án phí theo quy định, anh Lê Xuân P không phải nộp án phí; các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị T và anh Lê Xuân P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng đến khoảng năm 2018, 2019 thì vợ chồng mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, còn anh P cũng nhất trí ly hôn với chị T; cả hai bên đều không có biện pháp để hàn gắn quan hệ vợ chồng nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Xét tình cảm vợ chồng giữa chị Hà Thị T và anh Lê Xuân P không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Hà Thị T và anh Lê Xuân P ly hôn.

[2] Về con chung: Anh P và chị T có 02 (hai) con chung là cháu Lê Thùy L, sinh ngày 30/7/2011 và cháu Lê Bảo K, sinh ngày 13/11/2015. Quá trình giải quyết vụ án chị T đề nghị giao cả hai cháu cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục nhưng anh P không nhất trí; hơn nữa nguyện vọng của cháu K muốn ở với anh P và tại đơn khởi kiện đề ngày 19/12/2022 chị T cũng đã đề nghị giao cho chị và anh P mỗi người nuôi dưỡng một cháu. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Lê Thùy L, sinh ngày 30/7/2011 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng trông nom chăm sóc, giáo dục; giao cháu Lê Bảo K, sinh ngày 13/11/2015 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng trông nom chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Vay nợ chung: Các đương sự xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Hà Thị T phải chịu án phí theo quy định; các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị T với anh Lê Xuân P ly hôn.
2. Về con chung:

Giao cháu Lê Bảo K, sinh ngày 13/11/2015 cho anh Lê Xuân P trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục;

Giao cháu Lê Thùy L, sinh ngày 30/7/2011 cho chị Hà Thị T được tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục.

Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hà Thị Thị T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2021/0002549, ngày 29/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Chị T đã nộp đủ án phí.

Anh Lê Xuân P không phải nộp án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND phường Vân Cờ, thành phố Việt Trì, tỉnh P Thọ (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bàn Văn Thế

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Vượng Nguyễn Danh Long

Bàn Văn Thế